

Số: 78/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Khắc Hoàng - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Cẩm Vân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08/ 6/ 2023 về “Thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh Phan Xuân C, sinh ngày 01/02/1983. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ. Địa chỉ: đường P, số B H (S), cộng hòa Liên bang Đ. (Có đơn xin vắng mặt).

- Chị Lê Thị A, sinh ngày 01/7/1991. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ. Địa chỉ: F H (salle) 26 Sudstadtring, cộng hòa Liên bang Đ. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn có tại hồ sơ, anh Phan Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị A kết hôn vào ngày 30/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với gia đình chồng. Đến năm 2017, anh Phan Xuân C đi lao động tại CHLB Đ, năm 2020 chị Lê Thị A cũng sang Đ đoàn tụ với chồng. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lâu dài tình cảm rạn nứt, vợ chồng không còn tiếng nói chung, hiện tại bản thân anh Phan Xuân C cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị A.

Về con chung: Anh Phan Xuân C và chị Lê Thị A có 02 con chung là cháu Phan Gia H, sinh ngày 08/02/2015 và Phan Gia K, sinh ngày 01/12/2017. Anh Phan Xuân C, chị Lê Thị A thỏa thuận thống nhất giao 02 con cho chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, chị Lê Thị A chưa về nước được nên vợ chồng thống nhất nhờ mẹ anh C là bà Lê Thị T, sinh năm 1952, trú tại thôn Q, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Về cấp dưỡng anh Phan Xuân C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc anh Phan Xuân C không thể về tham gia giải quyết vụ việc được nên anh đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nộp tại hồ sơ.

Đối với bị đơn chị Lê Thị A: Thông qua người ủy quyền, chị Lê Thị A đã nộp các thủ tục về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với anh Phan Xuân C. Các vấn đề về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung, nợ chung chị thống nhất với quan điểm của anh Phan Xuân C. Theo đó, về tình cảm thống nhất được ly hôn, về con chung thống nhất giao 02 con cho chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hiện nay, chị Lê Thị A chưa về nước được nên vợ chồng thống nhất nhờ mẹ anh Phan Xuân C là bà Lê Thị T, sinh năm 1952, trú tại thôn Q, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh chăm sóc nuôi dưỡng các cháu.

Về cấp dưỡng anh Phan Xuân C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc ở nước ngoài không thể về trực tiếp tham gia giải quyết việc ly hôn, chị A đã có đơn đề nghị Tòa án được giải quyết vắng mặt. Đồng thời ủy quyền cho anh Phan Xuân T1 là (anh trai anh C) thay mặt chị giao nhận văn bản tài liệu tố tụng với Tòa án.

Bà Lê Thị T - mẹ đẻ anh Phan Xuân C đã có đơn xin tự nguyện thay mặt chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Phan Gia H, sinh ngày 08/02/2015 và Phan Gia K, sinh ngày 01/12/2017 trong thời gian chị A đang ở nước ngoài, đồng thời không yêu cầu vợ chồng anh Phan Xuân C và chị Lê Thị A phải thanh toán tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Phan Xuân C hiện cư trú tại Cộng hòa liên bang Đ, có địa chỉ cư trú tại đường P, số 23/06132 H (Saale), cộng hòa Liên bang Đ và có chứng thực của Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đ. Số chứng thực số: 45 quyền 01/SCT-CK, ĐC ngày 15/5/2023.

Chị Lê Thị A hiện cư trú tại Cộng hòa liên bang Đ2, có địa chỉ cư trú tại F H (salle) 26 Sudstadtring, cộng hòa Liên bang Đ, có chứng thực của Đ3 tại Cộng hòa liên bang Đ. Số chứng thực số: 59 quyền 01/SCT-CK, ĐC ngày 15/5/2023 nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

Tại thời điểm thụ lý, các bên đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ việc và cùng đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cũng như các quan hệ nuôi con, tài sản chung nên Tòa án đã thụ lý việc hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 365 BLTTDS. Anh Phan Xuân C và chị Lê Thị A đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc, đồng thời ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phan Xuân T1 (anh trai anh C). Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh C, chị A theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Phan Xuân C và chị Lê Thị A có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 30/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của anh C và chị A là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với gia đình chồng tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Đến năm 2017, anh Phan Xuân C đi lao động tại CHLB Đ, năm 2020 chị Lê Thị A cũng sang Đ đoàn tụ với chồng. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn trong quan điểm sống, không có sự đồng cảm và chia sẻ cùng nhau, lâu dài tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng như trước. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp, các đương sự đã thống nhất và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa anh Phan Xuân C và chị Lê Thị A là phù hợp.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Gia H, sinh ngày 08/02/2015 và Phan Gia K, sinh ngày 01/12/2017. Anh Phan Xuân C, chị Lê Thị A thỏa thuận thống nhất giao 02 con cho chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, chị Lê Thị A chưa về nước được nên thống nhất nhờ mẹ anh Phan Xuân C là bà Lê Thị T chăm sóc nuôi dưỡng các cháu.

Về cấp dưỡng: anh Phan Xuân C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bà Lê Thị T, mẹ đẻ của anh C đã có cam kết sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị A về nước. Vì vậy, cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trong thời gian chị A chưa thể về nước cần tiếp tục tạm giao 02 cháu Phan Gia H và Phan Gia K, cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thay chị A là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; Điểm b, khoản 1 điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Phan Xuân C và chị Lê Thị A.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao 02 con chung là cháu Phan Gia H, sinh ngày 08/02/2015 và Phan Gia K, sinh ngày 01/12/2017. Anh Phan Xuân C, chị Lê Thị A thỏa thuận thống nhất giao 02 con cho chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phan Xuân C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Phan Xuân C (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000538 ngày 08/6/2023 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Mỹ;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Khắc Hoàng